

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH Y TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH - NĂM 2020**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	Bác sĩ hạng III (V.08.01.03): 28 người																
1	Nguyễn Thị Thúy Kiều		02/10/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	A2 (tương đương Bạc 2)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
2	Lê Văn Dung	20/6/1975		Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	07/08/2008	12 năm	Khoa Y học cổ truyền-Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh C (tương đương Bạc 3)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
3	Hồ Thị Phụng		26/3/1989	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
4	Nguyễn Thành Chi	4/11/1983		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Lao	Bác sĩ đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
5	Phạm Văn Hùng	05/5/1989		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Khám - Cấp cứu - Chi đạo tuyến	Bác sĩ đa khoa	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
6	Huỳnh Thái Đạt	7/7/1991		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Vật lý trị liệu	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
7	Nguyễn Thị Ngọc Diễm		17/8/1978	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Châm cứu đường sinh và Phục hồi chức năng	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
8	Đặng Duy Linh	5/6/1987		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Nhi	Bác sĩ y học cổ truyền	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
9	Trần Trung Nam	1/10/1983		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Ngoại- Phụ	Bác sĩ y học cổ truyền	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
10	Lê Linh Ngọc		25/8/1987	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	Tin học văn phòng (tương đương CNTT cơ bản)		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghị đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghị đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghị (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghị đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghị đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghị từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
11	Hồ Lê Oanh	10/6/1988		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Xét nghịệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Bác sĩ đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	Tin học văn phòng (tương đương CNTT cơ bản)		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
12	Phạm Thị Hồng		10/01/1983	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Phòng Khám đa khoa	Bác sĩ đa khoa	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
13	Trà Minh Quốc	15/4/1991		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Kiểm dịch y tế quốc tế	Bác sĩ đa khoa	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
14	Nguyễn Thị An		05/09/1987	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Ngoại	Bác sỹ đa khoa	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
15	Đỗ Như Mơ		06/08/1991	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Nội - Nhi	Bác sĩ đa khoa	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
16	Đặng Thị Hiền		24/10/1976	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
17	Trần Quang Khải	10/11/1969		Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
18	Đường Quang Đức	10/9/1985		Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Nội - Nhi - Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	B1 (tương đương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
19	Nguyễn Quốc Toàn	13/9/1976		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	20/07/2000	20 năm 1 tháng	Khoa Nội - Nhi - Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh C (tương đương đương Bậc 3)	CNTT nâng cao		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
20	Nguyễn Quàng Thiên	26/06/1986		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	20/02/2012	8 năm 6 tháng	Khoa Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
21	Thái Thái Thiện		08/09/1991	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
22	Nguyễn Phúc Điền	21/3/1986		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Y học cổ truyền	Bác sĩ y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
23	Nguyễn Thanh Ngân	10/6/1986		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sỹ đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	Tin học văn phòng (tương đương CNTT cơ bản)		Bác sỹ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
24	Trần Thị Trúc Thu		27/7/1991	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Y học cổ truyền	Bác sỹ y học cổ truyền	B1 (tương đương Bạc 3)	CNTT cơ bản		Bác sỹ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
25	Nguyễn Văn Mạnh	12/12/1986		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	25/04/2014	6 năm 3 tháng	Khoa Nhi	Bác sỹ đa khoa	B1 (tương đương Bạc 3)	CNTT cơ bản		Bác sỹ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
26	Lê Thị Diễm		10/4/1982	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Khám bệnh	Bác sỹ Y đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	CNTT cơ bản		Bác sỹ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
27	Nguyễn Thị Dung		11/7/1988	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	20/01/2014	6 năm 7 tháng	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Bác sỹ Y đa khoa	A2 (tương đương Bạc 2)	CNTT cơ bản		Bác sỹ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
28	Huỳnh Thị Oanh		15/02/1990	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Bác sỹ y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Bác sỹ hạng III	V.08.01.03	Đạt	
II	Được sỹ hạng III (V.08.08.22): 20 người																

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Nguyễn Thị Kim Liên		27/11/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Dược hạng IV	V.08.08.23	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
2	Hà Ý Nhi		04/3/1975	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Dược hạng IV	V.08.08.23	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
3	Bùi Thị Sen		17/11/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Dược hạng IV	V.08.08.23	24/09/2008	11 năm 10 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
4	Hoàng Thị Hồng Sương		20/6/1986	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Dược hạng IV	V.08.08.23	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
5	Nguyễn Thế Toàn	26/8/1967		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Dược hạng IV	V.08.08.23	01/04/2003	17 năm 4 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	Bậc 3	B (tương đương CNTT cơ bản)		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
6	Đỗ Thị Trị		30/3/1977	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Dược hạng IV	V.08.08.23	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	Bậc 3	B (tương đương CNTT cơ bản)		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
7	Trương Thùy Linh		18/11/1985	Bệnh viện Mắt	Dược hạng IV	V.08.08.23	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Dược-Vật tư thiết bị Y tế - Xét nghiệm - Chống nhiễm khuẩn	Dược sĩ đại học	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
8	Nguyễn Cảnh Đông	20/10/1982		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Dược hạng IV	V.08.08.23	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
9	Lê Trần Minh Hoàng	01/05/1987		Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	Dược hạng IV	V.08.08.23	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Phòng Đông dược - Mỹ phẩm	Dược sĩ ngành dược (Đại học)	Tiếng Anh C (tương đương Đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
10	Lê Na		06/04/1990	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Dược hạng IV	V.08.08.23	20/01/2014	6 năm 7 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật	Dược sỹ đại học	B1 (tương đương Đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
11	Phan Thị Mỹ Hạnh		19/09/1988	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Dược hạng IV	V.08.08.23	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	B1 (tương đương Đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
12	Lê Thị Xuân Thủy		26/5/1986	Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Dược hạng IV	V.08.08.23	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Dược sĩ đại học	B1 (tương đương Đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
13	Thái Thị Cẩm Nhung		22/11/1987	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Dược hạng IV	V.08.08.23	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
14	Lê Chí Thanh	26/10/1987		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Dược hạng IV	V.08.08.23	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Trạm y tế xã Nhơn Hạnh	Dược sĩ đại học	Tiếng Anh B (tương đương bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
15	Chế Hoàng Thơ	05/03/1984		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Dược hạng IV	V.08.08.23	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Trạm Y tế phường Đập Đá	Dược sĩ đại học	B1 (tương đương bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
16	Lê Thị Ánh Tuyết		19/02/1977	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Dược hạng IV	V.08.08.23	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	Tiếng Anh B (tương đương bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
17	Trần Thị Hằng		03/08/1987	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Dược hạng IV; Trưởng khoa	V.08.08.23	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	Tiếng Anh C (tương đương bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
18	Lê Trung Khánh	30/6/1982		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Dược hạng IV	V.08.08.23	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Dược - Trang thiết bị vật tư y tế	Dược sĩ đại học	Tiếng Anh B (tương đương bậc 2)	CNTT cơ bản		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
19	Trịnh Minh Phổ		10/2/1988	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Dược hạng IV	V.08.08.23	20/01/2014	6 năm 7 tháng	Khoa Dược	Dược sĩ đại học	Tiếng Anh C (tương đương bậc 3)	CNTT cơ bản		Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
20	Lê Thị Thơm	16/2/1985		Trung tâm Y tế huyện Hoài An	Được hạng IV	V.08.08.23	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Trạm y tế thị trấn Tăng Bạt Hổ	Được sĩ đại học	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	CNTT nâng cao		Được sĩ hạng III	V.08.08.22	Đạt	
III	Điều dưỡng hạng III (V.08.05.12): 243 người																
1	Lê Thị Ngọc Ái		20/3/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nội Thận lọc máu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
2	Nguyễn Thị Báu		02/8/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại thần kinh cột sống	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
3	Huỳnh Thị Chi		10/11/1970	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	17/03/1997	23 năm 5 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
4	Bùi Thị Chín		23/3/1973	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	30/08/1995	24 năm 11 tháng	Khoa Khám	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	Tin học văn phòng (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
5	Trần Văn Dư	29/5/1983		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Khám	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
6	Nguyễn Thị Hoàng Dung		19/02/1975	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/06/2001	19 năm 1 tháng	Phòng Công tác xã hội	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
7	Trần Đình Duy	02/02/1987		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
8	Nguyễn Thị Hà		21/11/1987	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Lão khoa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
9	Phan Thị Thanh Hà		20/11/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
10	Phan Thị Ngọc Hân		25/6/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Ngoại tiết niệu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
11	Nguyễn Thị Lê Thúy Hằng		19/3/1986	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Nội tiêu hóa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
12	Dương Thị Thúy Hằng		18/02/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Da liễu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
13	Nguyễn Thị Ánh Hằng		05/10/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
14	Nguyễn Thị Hào		12/4/1987	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
15	Hồ Thị Thu Hiền		12/10/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Khám dò chức năng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
16	Nguyễn Xuân Hiền	06/5/1987		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
17	Lê Thị Minh Hiền		01/6/1986	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại Chấn thương - Bỏng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
18	Phạm Thị Mỹ Hiệp		16/4/1990	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	20/01/2014	6 năm 7 tháng	Khoa Khám	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
19	Nguyễn Thị Huệ		23/4/1986	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
20	Lê Thị Thanh Hoa		01/4/1986	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
21	Trần Quốc Hòa	19/9/1976		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nội Thận lọc máu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
22	Nguyễn Thị Thu Hồng		10/6/1982	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Phòng Công tác xã hội	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
23	Nguyễn Thị Hồng		10/01/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Y học cổ truyền	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
24	Đặng Thị Ngọc Huệ		29/6/1976	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Nhi sơ sinh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
25	Bùi Thị Thanh Hương		14/6/1973	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
26	Dương Diệu Hương		22/8/1989	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
27	Nguyễn Thị Hường		28/6/1988	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Lão khoa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
28	Đoàn Thị Minh Hường		29/11/1978	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
29	Phạm Thị Thúy Kiều		22/6/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Nhi sơ sinh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
30	Trương Thị Thuý Kiều		07/12/1980	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Khám	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
31	Nguyễn Thị Lạc		20/11/1985	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
32	Nguyễn Thị Lại		20/10/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại Chấn thương - Bỏng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
33	Nguyễn Thùy Lam		11/8/1985	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Nội Thận lọc máu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
34	Nguyễn Thị Lang		20/02/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
35	Võ Lê Thị Lê		13/10/1982	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nội Thận lọc máu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
36	Mai Thị Hồng Liên		10/7/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại thần kinh cột sống	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
37	Lữ Thị Liễu		12/7/1989	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
38	Nguyễn Thị Ngọc Linh		25/01/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
39	Hồ Thị Quý Linh		01/12/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Ngoại tiết niệu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
40	Nguyễn Đình Kim Loan		14/6/1972	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
41	Võ Thị Duy Lượm		14/8/1985	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Ung bướu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
42	Ngô Thị Bích Lưu		04/5/1985	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
43	Nguyễn Thị Lý		26/3/1971	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	15/06/1993	27 năm 2 tháng	Khoa Lão khoa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
44	Tô Thị Tuyết Mai		20/10/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Phòng Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
45	Vô Thị Trúc Mai		26/12/1987	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nội tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
46	Lê Minh Mậu	03/4/1976		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
47	Nguyễn Cảnh Muộn	30/8/1976		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Cử nhân Tiếng Anh	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
48	Nguyễn Thị Nga		14/6/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
49	Trần Thị Ngang		06/10/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng (Gây mê HS)	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
50	Nguyễn Thị Thu Nguyệt		02/9/1971	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/01/1996	24 năm 7 tháng	Phòng Kế hoạch tổng hợp - Chi đạo tuyến	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
51	Đặng Thị Minh Nguyệt		03/12/1977	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Cử nhân Tiếng Anh	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
52	Nguyễn Thị Thu Nhân		17/7/1986	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại Chấn thương - Bỏng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
53	Hồ Thái Nhiều		02/02/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
54	Huỳnh Thị Nhung		30/12/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nội tiết	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
55	Võ Thị Kim Oanh		17/3/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại Chấn thương - Bỏng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
56	Lê Thị Phúc		27/8/1976	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Ngoại thần kinh cột sống	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
57	Võ Ngọc Phước	10/6/1975		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương bậc 2)	Kỹ thuật viên Tin học (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
58	Trần Thanh Phương		10/6/1982	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
59	Nguyễn Ngọc Như Phương		23/6/1989	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
60	Lê Thị Kim Phượng		15/10/1985	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Phòng Kế hoạch tổng hợp - Chi đạo tuyển	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
61	Nguyễn Đình Hồng Phượng		01/8/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
62	Nguyễn Thị Bích Phượng		29/8/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Nội tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
63	Trần Thị Lệ Quyên		27/12/1989	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Ngoại tiết niệu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
64	Lê Văn Sang	21/4/1982		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
65	Nguyễn Cao Thạch	06/12/1990		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Thần kinh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
66	Nguyễn Thị Hồng Thắm		30/6/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Thăm dò chức năng	Cử nhân Điều dưỡng	Cử nhân Tiếng Anh	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
67	Nguyễn Minh Thân	30/5/1988		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Ung bướu	Cử nhân Điều dưỡng	A2 (tương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
68	Huỳnh Thị Kim Thoa		26/9/1976	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Mắt	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
69	Vô Thị Hồng Thương		19/11/1985	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Ngoại Chấn thương - Bỏng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
70	Đặng Thanh Thuỷ		01/10/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nội tiết	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
71	Lương Thị Thanh Thuỷ		14/6/1979	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nhi sơ sinh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
72	Trần Thị Thanh Thúy		28/12/1978	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
73	Bùi Thị Thúy		26/12/1986	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nội Trung cao	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
74	Huỳnh Thị Mỹ Thúy		22/10/1987	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại Chấn thương - Bỏng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
75	Huỳnh Thị Thanh Thủy		28/02/1979	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nội Trung cao	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
76	Vô Thị Bích Thủy		16/5/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Da liễu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
77	Trần Thị Thanh Tình		10/4/1985	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Nội tiêu hóa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
78	Nguyễn Thị Mỹ Trang		08/8/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Dinh dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
79	Trần Lê Mai Trang		07/01/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
80	Phạm Thị Mỹ Trang		16/12/1979	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Ngoại tiết niệu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
81	Phạm Văn Trọng	19/4/1979		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Ngoại thần kinh cột sống	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
82	Mai Thị Trường		16/02/1986	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Tai mũi họng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
83	Trần Thanh Trường		19/5/1985	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Khám	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
84	Cao Thị Hồng Tú		17/02/1973	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Mắt	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
85	Hồ Thị Cẩm Tú		10/01/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
86	Nguyễn Thị Thanh Thiên Tùng		29/5/1972	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Phòng Hành chính quản trị	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
87	Nguyễn Thị Thu Vân		14/7/1980	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
88	Nguyễn Thị Bích Vân		20/5/1978	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
89	Trần Thanh Vân	05/7/1980		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Tai mũi họng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
90	Lê Thị Thuý Vân		09/3/1973	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
91	Nguyễn Thị Ái Vân		30/11/1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
92	Châu Thị Thu Vang		20/10/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nội tim mạch	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
93	Võ Thị Tường Vi		07/10/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
94	Trần Thùy Diễm Vi		05/11/1987	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Thần kinh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
95	Hồ Quốc Việt	15/10/1985		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Ngoại thần kinh cột sống	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
96	Huỳnh Ngọc Vũ	10/9/1979		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại Chấn thương - Bỏng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghịe đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghịe (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghịe đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghịe từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
97	Huỳnh Thị Bích Vương		17/9/1982	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Ung bướu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
98	Trương Văn Y	04/5/1981		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Khám	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
99	Nguyễn Văn Bảy	29/7/1971		Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	20/07/2000	20 năm 1 tháng	Khoa Liên chuyên khoa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
100	Phạm Thị Mỹ Danh		27/1/1980	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Khám	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
101	Tôn Nữ Hoàng Dung		22/10/1975	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	20/07/2000	20 năm 1 tháng	Khoa Ngoại Tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
102	Nguyễn Ngọc Dương	18/6/1980		Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghịe đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghịe (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghịe đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghịe từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
103	Phạm Thị Tuyết Hạnh		03/12/1976	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Phòng Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
104	Trương Thị Hết		20/7/1984	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
105	Vô Thị Hiền		15/5/1987	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Trung cao	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
106	Phạm Văn Kia	5/7/1975		Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Ngoại Chấn thương thần kinh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
107	Nguyễn Văn Lai	20/12/1976		Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Nội tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
108	Đặng Thị Thu Mân		10/1/1987	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại Tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghề đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghề (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
109	Trần Thị Mỹ		25/12/1980	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Phòng Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
110	Phan Thanh Nam	12/7/1972		Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	20/07/2000	20 năm 1 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
111	Vô Thị Phường		10/6/1988	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Liên chuyên khoa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
112	Trần Thị Kim Sa		1/1/1978	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
113	Lê Văn Sáng	14/9/1975		Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn - Dinh dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
114	Nguyễn Thị Sương		9/2/1982	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Nội tim mạch - Lão khoa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
115	Trần Thị Thanh Thúy		2/8/1985	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nội tim mạch - Lão khoa	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
116	Lê Thanh Tuyền	20/5/1982		Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
117	Trà Thị Hoàng Yến		12/1/1990	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Ngoại Chấn thương thần kinh	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
118	Phan Thanh Mai Anh		22/12/1984	Bệnh viện Mắt	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Phòng Điều dường-Quản lý chất lượng - Công nghệ thông tin	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
119	Võ Thị Kim Ánh		16/02/1980	Bệnh viện Mắt	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Kết, Giác mạc- Phân phụ	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
120	Võ Kế Điền	30/08/1984		Bệnh viện Mắt	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Phòng Kế hoạch tổng hợp-Chỉ đạo tuyển	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
121	Lê Thị Thanh Huệ		05/07/1980	Bệnh viện Mắt	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	11/01/2008	12 năm 7 tháng	Phòng Kế hoạch tổng hợp-Chỉ đạo tuyển	Cử nhân Điều dường	Cử nhân Ngoại ngữ	CNTT cơ bản		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghịệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghịệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghịệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghịệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
122	Nguyễn Thị Hương		20/10/1971	Bệnh viện Mắt	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	11/01/2008	12 năm 7 tháng	Khoa Đục thủy tinh thể- Glaucome	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
123	Phan Thị Mỹ Linh		24/1/1986	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Khám - Cấp cứu - Chi đạo tuyến	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
124	Đặng Phương Như		30/12/1983	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp - Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
125	Nguyễn Thanh Phương		19/4/1982	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Lao	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
126	Lê Thị Phương Thảo		28/05/1984	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Khám - Cấp cứu - Chi đạo tuyến	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
127	Nguyễn Thị Phương Thảo		10/7/1984	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Bệnh phổi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
128	Phan Chí Ân	4/7/1971		Bệnh viện Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	12/09/1997	22 năm 11 tháng	Khoa Điều trị nam	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
129	Lê Thị Quý Hòa		24/5/1983	Bệnh viện Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	26/10/2005	14 năm 9 tháng	Phòng Kế hoạch-Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
130	Nguyễn Thị Mỹ Lệ		22/5/1982	Bệnh viện Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	26/10/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Khám bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
131	Diệp Thế Vy		6/12/1976	Bệnh viện Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	25/09/1998	21 năm 11 tháng	Khoa Phục hồi chức năng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
132	Trần Tiến Vỹ	14/5/1985		Bệnh viện Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Điều trị nam	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
133	Nguyễn Thị Yến		5/3/1984	Bệnh viện Tâm thần	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Tâm bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghịệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghịệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghịệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghịệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
134	Lê Thị Bích Giang		8/9/1978	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	05/05/2006	14 năm 3 tháng	Khoa Ngoại- Phụ	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
135	Võ Thị Hội		12/7/1969	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
136	Tạ Thị Ngọc Lan		26/5/1982	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nội tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
137	Thái Huỳnh Ngọc Phượng		20/11/1988	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Dinh dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghề đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghề (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
138	Chu Thị Tâm		12/7/1983	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Khám bệnh đa khoa- cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
139	Võ Thị Thu Anh		15/11/1982	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Bệnh nhiệt đới	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
140	Phạm Thị Dung		16/10/1973	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
141	Trần Thị Mỹ Dung		30/12/1969	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/01/1996	24 năm 7 tháng	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
142	Trương Thị Hiền		20/04/1976	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
143	Lê Văn Hiếu	22/05/1987		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân Điều dưỡng Gây mê hồi sức	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
144	Lê Thị Ngọc Lệ		01/12/1967	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/1993	26 năm 10 tháng	Khoa Liên chuyên khoa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
145	Phùng Thị Mỹ Lợi		10/05/1987	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Liên chuyên khoa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
146	Lương Thành Nhân	11/12/1982		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Khám	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
147	Phan Thị Sương		28/03/1987	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Phòng Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
148	Trần Thị Sương		10/05/1986	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Nội	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
149	Trần Thị Thanh Tâm		25/06/1982	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
150	Đỗ Ngọc Thi	10/03/1987		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
151	Dương Thị Thanh Thùy		03/08/1986	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
152	Nguyễn Thị Ngọc Vy		26/11/1974	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	31/12/1998	21 năm 7 tháng	Khoa Ngoại	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
153	Văn Thị Như Ý		13/10/1990	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	06/06/2012	8 năm 2 tháng	Khoa Nội tiết - Tim mạch	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
154	Nguyễn Thị Bích		21/06/1980	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghề đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghề (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
155	Phan Thị Bửu		01/03/1975	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	11/01/1997	23 năm 7 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
156	Đoàn Thị Hạnh		29/12/1974	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	10/02/1998	22 năm 6 tháng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
157	Hồ Thị Mỹ Hiền		15/05/1980	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
158	Nguyễn Thị Ngọc Phi		18/02/1976	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nội - Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
159	Cái Thị Thiện		8/1/1988	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
160	Huỳnh Thị Trừ		21/12/1984	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
161	Khổng Thị Đào		14/10/1982	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
162	Đoàn Thanh Định	12/2/1973		Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	28/08/1995	25 năm	Trạm Y tế xã Bình Nghi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
163	Võ Thị Hồng Gấm		10/7/1986	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
164	Lâm Thị Mỹ Giàu		25/11/1984	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
165	Châu Trần Xuân Hậu		27/6/1988	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
166	Phạm Thị Hiền		10/12/1988	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
167	Trần Thị Lệ Hoa		25/2/1987	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nội tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
168	Nguyễn Thị Thu Hồi		6/2/1982	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
169	Võ Văn Linh	13/7/1985		Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Khám bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
170	Phạm Thị Bích Linh		24/1/1990	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	06/06/2012	8 năm 2 tháng	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
171	Đỗ Như Mai Ngọc		15/9/1977	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/06/1999	21 năm 2 tháng	Trạm Y tế xã Bình Hoà	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
172	Bùi Thị Ánh Nguyệt		28/3/1989	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Nội tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
173	Nguyễn Thị Kim Oanh		25/1/1978	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nội tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
174	Đỗ Thị Thu Phượng		18/3/1986	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
175	Nguyễn Thị Sương		8/1/1988	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	12/08/2015	5 năm	Khoa Nội tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
176	Nguyễn Thị Lệ Thanh		23/11/1985	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
177	Đỗ Kiều Mỹ Thanh		12/12/1982	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Khám bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
178	Nguyễn Thị Thịnh		24/4/1972	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	28/08/1995	25 năm	Trạm Y tế xã Tây Vinh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
179	Vô Thị Bích Thương		28/4/1976	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
180	Vô Thị Trang		11/1/1987	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
181	Phan Thị Minh Trúc		12/12/1986	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Trạm y tế xã Tây Giang	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
182	Hồ Thị Lệ Vân		26/6/1990	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/09/2017	2 năm 11 tháng	Khoa Nội tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
183	Nguyễn Thị Tường Vy		15/10/1986	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Khám bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
184	Võ Thị Thúy Ngân		10/09/1986	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Liên chuyên khoa Răng Hàm Mặt-Mắt-Tai Mũi Họng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
185	Bùi Thị Dung		15/7/1982	Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nội - Nhi - Y học cổ truyền	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
186	Tô Thị Thanh Thoa		11/11/1988	Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Nội - Nhi - Y học cổ truyền	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
187	Phạm Thị Trang		27/1/1989	Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Truyền Nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
188	Lê Nữ Thùy Anh		10/10/1988	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Khoa Khám- Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
189	Phan Công Danh	15/11/1989		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
190	Lê Văn Hậu	11/8/1989		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Khám- Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
191	Nguyễn Thị Hoa		15/8/1988	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Trạm Y tế thị trấn Vĩnh Thạnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
192	Nguyễn Thị Lâm		6/11/1986	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nội - Nhi - Y học cổ truyền	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
193	Bùi Thị Xuân Minh		23/8/1988	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/09/2017	2 năm 11 tháng	Khoa Khám- Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
194	Lê Thị Cẩm Nhung		16/11/1983	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Trạm Y tế xã Vĩnh Thịnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bạc 3)	CNTT nâng cao		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
195	Nguyễn Thị Mỹ Nữ		10/2/1983	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Bệnh Nhiệt đới	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bạc 3)	CNTT nâng cao		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
196	Nguyễn Thị Phượng		20/2/1989	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Khám-Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bạc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
197	Huỳnh Thị Ánh Sương		10/8/1982	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Khám-Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
198	Nguyễn Thị Thiện		25/9/1990	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Bệnh Nhiệt đới	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bạc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
199	Nguyễn Thị Hồng Thuý		8/10/1986	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Trạm Y tế xã Vĩnh Hòa	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
200	Nguyễn Thị Thu Thủy		22/1/1989	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Ngoại- Liên chuyên khoa	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
201	Lê Khắc Triệu	10/5/1987		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Ngoại- Liên chuyên khoa	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT nâng cao		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
202	Đặng Thị Mỹ Trinh		21/4/1987	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Trạm Y tế thị trấn Vĩnh Thạnh	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
203	Đặng Thị Yên		12/12/1979	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Khám- Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
204	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		20/11/1987	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Truyền Nhiễm	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	
205	Nguyễn Nữ Lê Chi		05/09/1987	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dường hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Nội	Cử nhân Điều dường	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dường hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
206	Võ Thị Diệu		13/12/1988	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Khám bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
207	Nguyễn Văn Dương	01/07/1991		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
208	Trần Bửu Ngọc Hân		30/10/1988	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Khoa Truyền Nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
209	Nguyễn Thị Thu Hằng		02/02/1990	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Khám bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
210	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		16/10/1992	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/12/2015	4 năm 7 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	B1 (tương đương đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
211	Nguyễn Thị Mỹ Hào		12/04/1989	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
212	Lê Thị Huê		20/02/1979	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
213	Phan Thị Hồng Nga		02/11/1990	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
214	Bùi Thị Ngọc Quý		12/3/1980	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Ngoại	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
215	Đặng Minh Sang	20/10/1973		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV; Phó trưởng phòng KH- NV-DD	V.08.05.13	25/11/1996	23 năm 9 tháng	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
216	Đỗ Thị Thu Thảo		02/08/1988	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Khám bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghịe đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghịe (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghịe đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghịe từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
217	Bùi Thị Thanh Thúy		10/06/1981	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
218	Mai Thị Cẩm Tiên		01/08/1990	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Truyền Nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
219	Nguyễn Thị Thanh Vân		18/02/1983	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
220	Nguyễn Thị Thu Sương		02/01/1972	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/10/1993	26 năm 10 tháng	Phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
221	Nguyễn Sỹ	19/5/1975		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	29/01/2002	18 năm 6 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
222	Nguyễn Thị Thanh Thoa		10/01/1984	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Y học cổ truyền	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghề đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
223	Nguyễn Thị Phước		01/05/1991	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Khám bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
224	Trương Thị Hoài Phương		01/03/1986	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
225	Nguyễn Văn Sinh	02/10/1982		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Nội	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
226	Đỗ Thị Thu		15/07/1987	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Nhi	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
227	Nguyễn Thị Cẩm Thúy		21/09/1982	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
228	Võ Thị Thu Thủy		15/06/1983	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	09/05/2012	8 năm 3 tháng	Khoa Khám bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
229	Trịnh Thị Huyền Trang		24/03/1986	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
230	Nguyễn Thị Lan Viên		20/05/1985	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Khoa Ngoại	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
231	Nguyễn Thị Hà		8/5/1981	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
232	Đỗ Thị Ngọc Hào		3/8/1988	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân Điều dưỡng	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
233	Trần Thị Hiệp		23/12/1983	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Y học cổ truyền	Cử nhân Điều dưỡng	B2 (tương đương Bậc 4)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
234	Nguyễn Thị Ngọc Hồng		20/12/1983	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
235	Nguyễn Trần Khoa	9/10/1983		Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
236	Nguyễn Thị Loan		1/9/1981	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Khám bệnh	Cử nhân Điều dưỡng	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
237	Nguyễn Thị Kim Luyến		5/8/1984	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
238	Nguyễn Thị Bích Nga		1/1/1983	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghề đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghề (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
239	Nguyễn Thị Thu Hằng		08/02/1985	Trung tâm Y tế huyện Hoài An	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
240	Nguyễn Thị Kiều Oanh		03/5/1988	Trung tâm Y tế huyện Hoài An	Điều dưỡng hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.05.13	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
241	Lê Xuân Quang	26/8/1976		Trung tâm Y tế huyện Hoài An	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
242	Hồ Thị Diệu Thơ		24/8/1989	Trung tâm Y tế huyện Hoài An	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
243	Nguyễn Thị Tuyết Lua		02/02/1989	Trung tâm Y tế huyện An Lão	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Phòng Kế hoạch tổng hợp-Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Đạt	
IV	Hộ sinh hạng III (V.08.06.15): 37 người																
1	Bùi Thị Thuý Bình		04/11/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Sản	Cử nhân Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
2	Lê Thị Mỹ Hiệp		26/01/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	25/09/2006	13 năm 10 tháng	Khoa Sản	Cử nhân Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
3	Huỳnh Thị Thanh Vân		18/10/1972	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	24/12/1994	25 năm 8 tháng	Khoa Phụ sản	Cử nhân điều dưỡng CK hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
4	Nguyễn Thị Thanh Vinh		4/11/1986	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Phụ sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	A2 (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
5	Trần Thị Cẩm Giang		20/02/1987	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	18/06/2008	12 năm 2 tháng	Khoa Dinh dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
6	Nguyễn Thị Lệ Hoa		24/09/1989	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
7	Đinh Thị Hường		24/09/1986	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
8	Võ Thị Thúy Kiều		08/12/1988	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Phòng khám đa khoa khu vực số 4 Phú Tài	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
9	Nguyễn Thị Phúc		10/07/1989	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
10	Lâm Thị Vân Anh		16/5/1985	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
11	Võ Thị Bích Hậu		4/8/1983	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
12	Nguyễn Thị Lý		3/4/1980	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
13	Trần Thị Hồng Quế		11/12/1976	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	01/08/1999	21 năm 0 tháng	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
14	Trần Thị Tuyết Vân		17/1/1975	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
15	Nguyễn Thị Thanh Trúc		9/11/1986	Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Hộ sinh hạng IV; Hộ sinh trưởng khoa	V.08.06.16	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
16	Nguyễn Thị Anh		20/4/1976	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	25/12/2004	15 năm 7 tháng	Phòng Dân số	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
17	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		6/2/1984	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Trạm Y tế xã Vĩnh Thuận	Cử nhân Điều dưỡng sản phụ khoa	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
18	Nguyễn Thị Thúy Hương		5/5/1982	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Hộ sinh hạng IV; Phó trưởng khoa	V.08.06.16	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
19	Nguyễn Thị Mai Thanh		18/4/1976	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Hộ sinh hạng IV; Hộ sinh trưởng khoa	V.08.06.16	07/07/1998	22 năm 1 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng sản phụ khoa	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
20	Trần Thị Tịnh		10/4/1986	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng sản phụ khoa	Tiếng Anh C (tương đương Đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
21	Nguyễn Thị Hồng Công		08/11/1985	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
22	Đỗ Thị Thu Hà		12/07/1985	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
23	Văn Thị Diễm Kiều		30/07/1985	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	23/05/2008	12 năm 3 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
24	Nguyễn Thị Thúy Oanh		20/09/1983	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Hộ sinh hạng IV; Phó trưởng khoa	V.08.06.16	23/05/2008	12 năm 3 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
25	Phan Thị Ngọc Thủy		22/05/1980	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Hộ sinh hạng IV; Hộ sinh trưởng khoa	V.08.06.16	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
26	Đặng Thị Thu Thủy		20/06/1982	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
27	Huỳnh Thị Thu An		21/01/1976	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	16/02/2000	20 năm 6 tháng	Phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
28	Đặng Thị Bích Trâm		21/03/1989	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng phụ sản	B1 (tương đương Đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
29	Dương Thị Thủy Linh		24/4/1976	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	23/01/1998	22 năm 7 tháng	Trạm y tế xã Hoài Thanh Tây	Cử nhân Điều dưỡng ngành Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
30	Nguyễn Thị Cẩm Thi		4/4/1982	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng ngành Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
31	Phạm Thị Thúy Thu		10/6/1983	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	28/11/2007	12 năm 8 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng ngành Hộ sinh	B1 (tương đương Đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
32	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1/12/1981	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng ngành Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghị đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghị (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghị đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghị từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
33	Nguyễn Thị Tuyết		2/11/1983	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng ngành Hộ sinh	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
34	Nguyễn Thị Hồng Phong		16/8/1984	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn	Hộ sinh hạng IV; Điều dưỡng trưởng khoa	V.08.06.16	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cử nhân Điều dưỡng (Chuyên ngành phụ sản)	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
35	Nguyễn Thị Hồng Phụng		30/11/1981	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng (Chuyên ngành phụ sản)	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
36	Hoàng Thị Mỹ Lê		25/10/1979	Trung tâm Y tế huyện An Lão	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Ngoại- Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng ngành phụ sản	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
37	Lê Thị Lệ Nhung		8/1/1979	Trung tâm Y tế huyện An Lão	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Ngoại- Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Cử nhân Điều dưỡng ngành phụ sản	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Đạt	
V	Kỹ thuật y hạng III (V.08.07.18): 52 người																

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Nguyễn Trần Ngọc Ánh		19/4/1988	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Huyết học	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
2	Phạm Thị Mỹ Dân		01/2/1980	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cử nhân Kỹ thuật y	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
3	Trần Thị Ngọc Hà		20/12/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Vi sinh	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
4	Đinh Thị Hải Hà		02/7/1982	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Cử nhân Vật lý trị liệu	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
5	Võ Văn Hải	29/9/1985		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
6	Võ Thanh Hằng		21/5/1970	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/03/1997	23 năm 5 tháng	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	Dương Thị Thu Hào		20/11/1970	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Huyết học	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
8	Bành Thị Hậu		01/12/1979	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Hoá sinh	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
9	Trần Thị Kim Liên		10/10/1980	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Vi sinh	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
10	Lê Văn Minh	20/4/1970		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	25/01/1996	24 năm 7 tháng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh C (tương đương đương Bậc 3)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
11	Ngô Thị Nga		02/01/1985	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Hoá sinh	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
12	Nguyễn Thị Phương		25/07/1982	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cử nhân Kỹ thuật y	Tiếng Anh B (tương đương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
13	Nguyễn Nam Phương	23/10/1973		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
14	Nguyễn Quang Thái	04/09/1989		Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
15	Trần Thị Thu Thủy		04/02/1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Hoá sinh	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
16	Huỳnh Thị Tịnh		18/8/1976	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Huyết học	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
17	Đinh Mỹ Trinh		24/4/1986	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Huyết học	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
18	Nguyễn Hồng Vân		15/3/1983	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Vi sinh	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
19	Nguyễn Thị Tường Vy		02/8/1979	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Huyết học	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
20	Trần Quốc Ngọc	14/11/1979		Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Y học cổ truyền-Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
21	Trần Thị Băng Tâm		1/1/1986	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
22	Nguyễn Thị Mỹ Tiến		6/1/1985	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
23	Phạm Thị Thu Hương		1/5/1984	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Kỹ thuật y hạng IV; KTV trưởng khoa	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
24	Đặng Thị Thanh Hương		23/5/1985	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	02/10/2007	12 năm 10 tháng	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
25	Nguyễn Anh	13/5/1991		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/11/2013	6 năm 9 tháng	Khoa Châm cứu đường sinh và Phục hồi chức năng	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
26	Nguyễn Thị Kim Lan		20/11/1985	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	07/08/2008	12 năm 0 tháng	Khoa Châm cứu đường sinh và Phục hồi chức năng	Cử nhân Vật lý trị liệu	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	Tin học văn phòng (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
27	Lưu Thị Thanh Thao		5/11/1981	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Châm cứu đường sinh và Phục hồi chức năng	Cử nhân Vật lý trị liệu	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
28	Huỳnh Văn Tin	12/7/1977		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh C (tương đương Đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
29	Phan Nguyên Toàn	18/6/1976		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Châm cứu đường sinh và Phục hồi chức năng	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
30	Huỳnh Thế Dũng	22/8/1974		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	20/07/2000	20 năm 1 tháng	Khoa Ký sinh trùng - Côn trùng	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
31	Lê Thị Mỹ Hạnh		11/02/1981	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Cử nhân Xét nghiệm YHDP	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	Trung cấp Tin học		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
32	Nguyễn Thị Quý		27/4/1982	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	15/10/2008	11 năm 10 tháng	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
33	Đinh Tấn Hợp	16/04/1984		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	11/02/2010	10 năm 6 tháng	Khoa Xét nghiệm	Đại học Xét nghiệm	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
34	Dương Ngọc Minh	16/07/1979		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	01/01/2013	7 năm 7 tháng	Trạm Y tế xã Phước An	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
35	Nguyễn Văn Hoàng	25/8/1984		Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
36	Võ Xuân Kiệt	5/8/1985		Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	24/02/2009	11 năm 5 tháng	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
37	Võ Thị Bích Ngọc		21/9/1992	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	19/05/2016	4 năm 3 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
38	Trần Văn Xuyên	7/6/1984		Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	09/05/2012	8 năm 3 tháng	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
39	Phan Thị Thúy Kiều		17/02/1988	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
40	Lâm Hoàng Hà	17/11/1979		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Kỹ thuật y hạng IV; Kỹ thuật viên trưởng	V.08.07.19	31/03/2006	14 năm 4 tháng	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân Kỹ thuật y	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
41	Nguyễn Đình Huy	18/7/1986		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân Kỹ thuật y	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
42	Lê Thế Phương	17/10/1988		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	19/07/2011	9 năm 1 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật	Cử nhân Kỹ thuật y	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
43	Lê Thị Thái Trinh		19/10/1981	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	20/06/2007	13 năm 2 tháng	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân Kỹ thuật y	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
44	Nguyễn Thị Kim Hương		20/4/1984	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
45	Lê Trọng Huy	06/01/1981		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	09/05/2012	8 năm 3 tháng	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật y học (chuyên ngành Xét nghiệm)	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
46	Đặng Minh Phụng	10/11/1983		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Phòng khám đa khoa khu vực Bình Dương	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
47	Ngô Đình Viên	25/07/1987		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Kỹ thuật y học	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
48	Lê Thị Hồng Nhung		12/6/1983	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân ngành Kỹ thuật y học	B2 (tương đương Đặc 4)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
49	Nguyễn Hữu Quảng	6/8/1990		Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	21/04/2011	9 năm 4 tháng	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	CNTT cơ bản		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
50	Trần Thị Thu Tiết		2/11/1988	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	07/04/2010	10 năm 4 tháng	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Cử nhân Xét nghiệm y học	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
51	Nguyễn Quang Tứ	24/6/1963		Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Cử nhân Xét nghiệm	Tiếng Anh B (tương đương Đặc 2)	Tin học văn phòng (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	
52	Trần Thị Trúc		02/03/1985	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	16/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Tiếng Anh C (tương đương Đặc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
VI	Dân số viên hạng III (V.08.10.28): 05 người																
1	Đặng Thị Như Sương		24/05/1977	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	05/11/2014	5 năm 9 tháng	Phòng Dân số	Cử nhân Luật	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dân số viên hạng III	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	Đạt	
2	Nguyễn Thị Thúy Hằng		15/3/1973	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Dân số viên hạng IV; Phó trưởng phòng Dân số	V.08.10.29	31/03/2017	3 năm 4 tháng	Phòng Dân số	Cử nhân Kế toán	Tiếng Anh C (tương đương Bạc 3)	CNTT nâng cao	Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dân số viên hạng III	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	Đạt	
3	Nguyễn Vũ Mai		12/09/1979	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Dân số viên hạng IV; Trưởng phòng Dân số	V.08.10.29	18/12/2002	17 năm 8 tháng	Phòng Dân số	Cử nhân Kinh tế	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dân số viên hạng III	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghịệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghịệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghịệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghịệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
4	Từ Công Tuấn	01/06/1978		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Dân số viên hạng IV; Phó trưởng phòng	V.08.10.29	31/03/2017	3 năm 4 tháng	Phòng Dân số	Đại học Luật	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghịệp Dân số viên hạng III	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	Đạt	
5	Trần Thị Út		26/4/1975	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn	Dân số viên hạng IV; Phó phòng Dân số	V.08.10.29	25/10/2011	8 năm 9 tháng	Phòng Dân số	Cử nhân Luật kinh tế	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghịệp Dân số viên hạng III	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	Đạt	
VII	Y tế công cộng hạng III (V.08.04.10): 11 người																
1	Nguyễn Thị Mỹ Triều		02/02/1980	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	14/11/2005	14 năm 9 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật	Cử nhân Y tế công cộng	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	
2	Lương Thị Hương		10/9/1983	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Y tế công cộng	A2 (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghiệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
3	Nguyễn Xuân Lê Vũ	04/10/1972		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	13/01/1999	21 năm 7 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Y tế công cộng	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	
4	Đặng Hoàng Huy	24/07/1977		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/03/2002	18 năm 5 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Y tế công cộng	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	
5	Thái Văn Lên	10/06/1979		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Y tế công cộng	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	
6	Lê Thị Phương Trang		04/07/1975	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	01/06/2004	16 năm 2 tháng	Trạm y tế xã Mỹ Trinh	Cử nhân Y tế công cộng	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	CNTT cơ bản		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan, Đơn vị công tác	Hạng chức danh nghề đang giữ, chức vụ	Mã số chức danh nghề nghịệp đang giữ	Thời điểm căn cứ tính thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghiệp	Thời gian giữ ngạch / hạng chức danh nghề nghịệp (tính đến 20/8/2020)	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			Tiêu chuẩn khác	Hạng chức danh nghề đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Mã số chức danh nghề nghịệp đăng ký xét thăng hạng (Hạng III)	Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghịệp từ hạng IV lên hạng III	Ghi chú
		Nam	Nữ							Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	Nguyễn Thị Tuyết Lan		6/11/1983	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	10/05/2006	14 năm 3 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Y tế công cộng	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	CNTT cơ bản		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	
8	Đỗ Minh Mẫn	26/12/1985		Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	19/03/2007	13 năm 5 tháng	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Cử nhân Y tế công cộng	B1 (tương đương Bạc 3)	CNTT cơ bản		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	
9	Võ Văn Minh	29/9/1976		Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	29/11/2002	17 năm 8 tháng	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Cử nhân Y tế công cộng	Tiếng Anh C (tương đương Bạc 3)	CNTT cơ bản		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	
10	Nguyễn Thị Thanh Trang		15/8/1975	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	07/08/1997	23 năm	Trạm y tế xã Hoài Hảo	Cử nhân Y tế công cộng	A2 (tương đương Bạc 2)	CNTT cơ bản		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	
11	Nguyễn Văn Chính	15/08/1986		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	04/01/2010	10 năm 7 tháng	Khoa kiểm soát bệnh tật	Cử nhân y tế công cộng	Tiếng Anh B (tương đương Bạc 2)	CNTT cơ bản		Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Đạt	

TỔNG SỐ: 396 viên chức